

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2023/HS-ST
Ngày 28 - 12 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Minh Trí

Ông Lê Sỹ Nghiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 69/2023/TLST - HS ngày 17 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2023/QĐXXST - HS ngày 14 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1995 tại: xã S, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn Y, xã S, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị H; có vợ là Nguyễn Thị H1, sinh năm 1992 và có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 24/06/2023 đến ngày 29/06/2023 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Nông Cống (có mặt).

- Bị hại:

Anh Nguyễn Nho P, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn TH, xã G, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Văn S1, sinh năm 1987

+ Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1989

Đều cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người làm chứng:*

Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 19/6/2023 Nguyễn Văn T, sinh năm 1995 ở thôn Y, xã S, huyện C, tỉnh Thanh Hóa đến nhà chị gái là Nguyễn Thị M1, sinh năm 1994 và anh rể là Nguyễn Nho P, sinh năm 1991 để chơi. Trong quá trình ngồi chơi thì anh P có nhờ T mang chiếc xe ô tô BKS 20A-534.64 màu đỏ đến gara ô tô của anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1994 ở thôn B, xã S, huyện C, tỉnh Thanh Hóa để sửa chữa. T đồng ý và điều khiển xe ô tô còn anh P đi xe máy phía sau đến gara sửa chữa để chờ T về. Sau khi đến nơi, T đi xe ô tô vào gara còn anh P đứng ở phía ngoài đợi. Một lúc sau thì T đi ra lên xe anh P đi về. Đến khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày, T nhờ Nguyễn Bá T2 ở thôn TS, xã S, huyện C, tỉnh Thanh Hóa chở đến gara ô tô TT để lấy xe. Sau khi lấy được xe, T nảy sinh ý định cầm cố xe để lấy tiền tiêu xài cá nhân. T điều khiển xe ô tô đến nhà anh Nguyễn Văn S1, sinh năm 1987 ở thôn Đ, xã M. Khi đến nơi, T nói với anh S1 “gia đình có việc gấp cần vay 20.000.000đ”. Lúc đầu anh S1 không đồng ý nhưng sau đó T nói để lại xe ô tô và giấy tờ xe thì anh S1 đồng ý cho T vay và đề nghị T viết giấy cam kết. Sau khi T viết xong thì anh S1 đưa cho T 5.000.000đ tiền mặt và chị Nguyễn Thị Ng (là vợ anh S1) chuyển vào tài khoản của T 15.000.000đ. Do trước đó T còn nợ anh S1 10.000.000đ nên trong giấy viết tay vay tiền T ghi tổng cộng là 30.000.000đ. Toàn bộ số tiền trên T đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi nhận được tiền T nhờ T2 chở về nhà chị gái. Đến khoảng 00 giờ ngày 20/6/2023 T đi xuống nhà T2 và ngủ lại qua đêm đến khi trời sáng thì T bắt xe đi thành phố Thanh Hóa. T đã tắt điện thoại di động không liên lạc và thông báo gì với bất kỳ ai và trong thời gian này T đã dùng số tiền có được do cầm cố xe để tiêu xài cá nhân và chơi game hết.

Đến sáng ngày 20/6/2023 anh P đã đến gara xe TT để hỏi thì được biết T đã lấy xe ô tô, anh đã đi tìm và dùng mọi cách để liên lạc với T nhưng không được nên anh đã đến Công an xã S trình báo sự việc.

Ngày 24/6/2023, sau khi đã tiêu hết số tiền trên và biết không thể trốn tránh Nguyễn Văn T đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nông Cống xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 77/KL-ĐGTS ngày 27/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Nông Cống định giá chiếc xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET màu đỏ BKS 20A-534.64 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

Bị hại là anh Nguyễn Nho P do xe ô tô của anh bị hỏng cần phải sửa chữa nên anh nhờ T (em vợ) điều khiển xe ô tô đến gara xe ô tô ở thôn B, xã S để sửa. Đến 9 giờ 00 phút ngày 20/6/2023 anh đến gara để nhận xe thì được biết T đã lấy xe vào tối ngày 19/6/2023 nên anh gọi điện cho T nhưng không liên lạc được, anh đi tìm thì được biết T đã cầm cố chiếc xe ô tô trên tại nhà anh Nguyễn Văn S1.

Đối với Nguyễn Văn S1 cho biết vào khoảng 18 giờ 00 phút ngày 19/6/2023 S1 có nhận được điện thoại của T về việc T cần tiền và để lại 01 xe ô tô BKS 20A - 534.64 màu đỏ và giấy tờ xe. S1 đồng ý cho T vay số tiền 20.000.000đ. Do không đủ tiền mặt nên S1 đưa cho T 5.000.000đ tiền mặt còn 15.000.000đ thì vợ S1 là Nguyễn Thị Ng chuyển khoản cho T. Sau khi nhận được tiền thì T đi về.

Về hành vi cầm đồ quá trình điều tra xác định Nguyễn Văn S1 có hoạt động kinh doanh, ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự khi chưa được cấp hoặc bị thu hồi hoặc đang bị tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự. Do đó hành vi của Nguyễn Văn S1 đã vi phạm điểm a khoản 4 điều 12 Nghị định 144/2021/NĐCP của Chính phủ. Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống đã chuyển đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an huyện Nông Cống xử lý theo thẩm quyền.

* Vật chứng vụ án:

01 Chiếc xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET màu đỏ BKS 20A-534.64. Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Nho P.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Nguyễn Nho P không yêu cầu Nguyễn Văn T phải bồi thường thiệt hại về dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Văn T.

- Nguyễn Văn T đã bồi thường số tiền 30.000.000đ (trong đó 10.000.000đ tiền vay trước đó và 20.000.000đ tiền cầm cố xe ô tô) cho anh S1. Anh S1 đã nhận đầy đủ, không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Văn T.

Tại Cáo trạng số 71/CT - VKS - NC ngày 15 tháng 11 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Nguyễn Văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự (Viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện VKS vẫn giữ nguyên quyết định truy tố; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức

án từ 25 tháng đến 28 tháng tù; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét; về án phí đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nông Cống, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là đúng quy định.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Như vậy, đủ căn cứ chứng minh: Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 19/6/2023 lợi dụng lòng tin của anh rể là Nguyễn Nho P nhờ mang xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET màu đỏ BKS 20A-534.64 đến gara ô tô TT ở thôn B, xã S, huyện C, tỉnh Thanh Hóa để sửa chữa, đến khoảng 19 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn T đến gara lấy xe và nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe trên để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Sau khi lấy được xe T điều khiển xe đến nhà anh Nguyễn Văn S1 ở thôn Đ, xã M, huyện C, tỉnh Thanh Hóa cầm cố xe và giấy tờ được 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Tại bản kết luận định giá tài sản số: 77/KL-ĐGTS ngày 27/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Nông Cống định giá chiếc xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET màu đỏ BKS 20A-534.64 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng). Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của Nguyễn Văn T có đủ các dấu hiệu cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Đây là vụ án thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng. Sau khi đến gara xe ô tô TT để lấy xe của bị hại, bị cáo đã không trả lại tài sản cho chủ sở hữu mà chiếm đoạt tài sản, cầm cố tài sản lấy tiền tiêu xài cá nhân dẫn đến không có khả năng trả lại

tài sản. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Đánh giá về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả; người phạm tội thành khẩn khai báo, đầu thú, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất của vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng Điều 38 BLHS cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, đưa bị cáo vào môi trường lao động, giáo dục, học tập nghiêm khắc theo quy chế trại giam để cải tạo bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội đồng thời răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Nguyễn Văn T không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 175 BLHS.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS:

Xử phạt: Nguyễn Văn T 25 (Hai mươi lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 24/06/2023.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Công an huyện Nông Cống;
- Cơ quan THA hình sự;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Trịnh Thị Hà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Công an huyện Nông Cống;
- Cơ quan THA hình sự;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Xuân Tuyên